Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5401.10.10

Mã HS	5401.10.10
Mô tả hàng hóa	Chỉ khâu làm từ sợi filament nhân tạo, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ / - Từ sợi filament tổng hợp: / - - Đã đóng gói để bán lẻ
Đơn vị	kg/m
Thời điểm tạo	04/11/2026 17:19:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/54011010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8307
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8307
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8307
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7916
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7869
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7869
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7869
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7869
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7869
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7869
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	AJ!E7919
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7919

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7919
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7919
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7919
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7919
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7920
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7920
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7920
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7920
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7920
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7920
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7921
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7875
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7883
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7883
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7883
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7883
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7883
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7883
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7905
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7905
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7905
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7905
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7905
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7905
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7951
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7951

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7951
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7951
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7951
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7951
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7931
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7931
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7931
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7931
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7931
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7931
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D7944
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E7944
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F7944
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G7944
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H7944
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7944
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7948
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7948
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7948
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7948
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7948
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7948
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7949
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7949
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7949
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7949

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7949
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7949
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7899
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7899
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7899
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7899
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7899
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7899
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7899
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7936
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7936
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7936
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7936
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7936
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7936
RCEP B	2022	2022	0	B!D7936
RCEP B	2023	2023	0	B!E7936
RCEP B	2024	2024	0	B!F7936
RCEP B	2025	2025	0	B!G7936
RCEP B	2026	2026	0	B!H7936
RCEP B	2027	2027	0	B!I7936
RCEP C	2022	2022	0	C!D7936
RCEP C	2023	2023	0	C!E7936
RCEP C	2024	2024	0	C!F7936
RCEP C	2025	2025	0	C!G7936
RCEP C	2026	2026	0	C!H7936

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7936
RCEP D	2022	2022	0	D!D7936
RCEP D	2023	2023	0	D!E7936
RCEP D	2024	2024	0	D!F7936
RCEP D	2025	2025	0	D!G7936
RCEP D	2026	2026	0	D!H7936
RCEP D	2027	2027	0	D!I7936
RCEP E	2022	2022	0	E!D7939
RCEP E	2023	2023	0	E!E7939
RCEP E	2024	2024	0	E!F7939
RCEP E	2025	2025	0	E!G7939
RCEP E	2026	2026	0	E!H7939
RCEP E	2027	2027	0	E!I7939
RCEP F	2022	2022	0	F!D7936
RCEP F	2023	2023	0	F!E7936
RCEP F	2024	2024	0	F!F7936
RCEP F	2025	2025	0	F!G7936
RCEP F	2026	2026	0	F!H7936
RCEP F	2027	2027	0	F!I7936
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7326
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7326
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7326
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7326

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5401.10 có 2 dòng thuế; dòng 5401.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Đã đóng gói để bán lẻ.	5401.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5401.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5401.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8307), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.